

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 05/CV-MT ngày 17/02/2025 của Công ty Cổ phần Bảo Ngọc Quảng Trị; văn bản giải trình, bổ sung chỉnh sửa báo cáo số 09/CV-MT ngày 05/03/2024 của Công ty Cổ phần Bảo Ngọc Quảng Trị và hồ sơ kèm theo; Căn cứ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của UBND huyện Gio Linh;

Theo đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 02/TTr-PTNMT ngày 11/03/2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty cổ phần Bảo Ngọc Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nạo vét, tăng dung tích trữ nước hồ chứa nước thôn Hoàng Hà, xã Gio Việt (nay là thị trấn Cửa Việt) kết hợp thu hồi sản phẩm sau nạo vét theo hình thức xã hội hóa địa chỉ tại Thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3200677972 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị đăng ký lần đầu ngày 19/11/2018.

1.4. Mã số thuế: 3200677972.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dự án thuộc lĩnh vực xây dựng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Vùng diện tích nạo vét là 36.168 m<sup>2</sup>.

- Khối lượng nạo vét: 65.953,4 m<sup>3</sup>/năm

- Chiều sâu nạo vét trung bình: 2,33 m
- Thời gian nạo vét: 2 năm kể từ ngày 13/12/2024.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bảo Ngọc Quảng Trị có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: từ ngày ~~14~~ tháng 3 năm 2025 đến ngày 13 tháng 12 năm 2026.

**Điều 4.** Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Gio Linh chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Công ty Cổ phần Bảo Ngọc Quảng Trị;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Phòng Nông nghiệp và Môi trường;
- Cổng Thông tin điện tử huyện Gio Linh;
- UBND thị trấn Cửa Việt;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
  
Võ Đức Hòa

**Phụ lục 1**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 6.15/GPMT-UBND ngày 14 tháng 03 năm 2025 của UBND huyện Gio Linh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Dòng số 1: Nước mưa chảy tràn qua bãi tập kết số 1
- Dòng số 2: Nước mưa chảy tràn qua bãi tập kết số 2

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

- Dòng số 1: Nước mưa chảy tràn qua bãi tập kết số 1 sau xử lý qua lớp bao tải cát và bể lắng 2 ngăn kích thước (4×2×1,2)m trước khi đổ về hồ Hoàng Hà.
- Dòng số 2: Nước mưa chảy tràn qua bãi tập kết số 2 sau xử lý qua lớp bao tải cát và bể lắng 2 ngăn kích thước (4×2×1,2)m trước khi đổ về hồ Hoàng Hà.

**2.2. Vị trí xả thải:**

- Dòng số 1: Nước mưa chảy tràn sau hồ lắng của bãi tập kết số 1. Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 1.864.644; Y: 593.287 (theo Hệ tọa độ VN2000, KT trục 106°15', múi chiếu 3°).
- Dòng số 2: Nước mưa chảy tràn sau hồ lắng của bãi tập kết số 2. Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 1.864.627; Y: 593.278 (theo Hệ tọa độ VN2000, KT trục 106°15', múi chiếu 3°).

**2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất:**

- Dòng số 1: 17,853 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- Dòng số 2: 15,457 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

**2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy, xả mặt.**

**2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục (24 giờ).**

**2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (K<sub>q</sub>=0,9, K<sub>f</sub>=1,0), cụ thể như sau:**

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (Giá trị C <sub>max</sub> , cột B, K <sub>q</sub> = 0,9; K <sub>f</sub> = 1,0)
1	pH	-	5,5 - 9
2	SS	mg/l	90
3	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

## 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

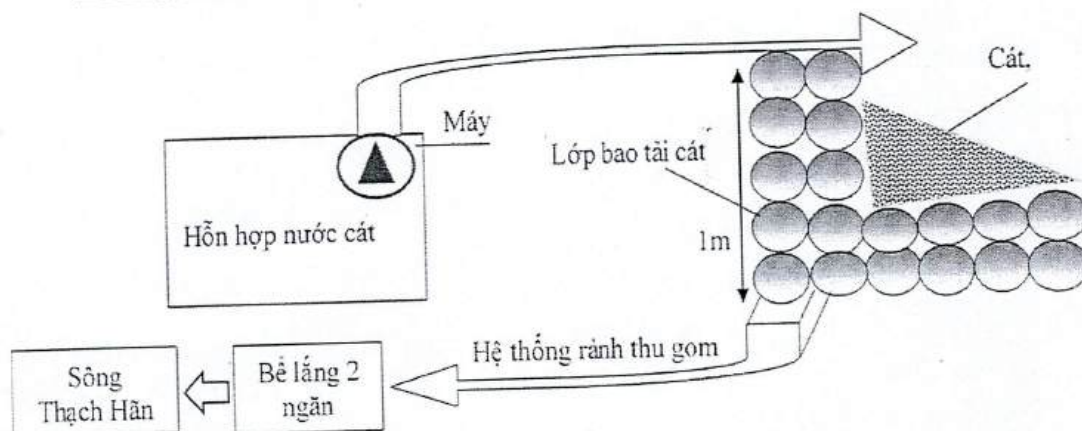
Tại bãi tập kết tạm, Chủ dự án sẽ sắp xếp các bao tải chứa cát mịn xung quanh khu vực bãi tập kết tạm, các bao tải chồng lên nhau thành nhiều ngăn, đáy của các ngăn này sẽ được thiết kế có hướng nghiêng ra phía bờ sông. Phía bên ngoài lớp bao tải này sẽ bố trí hệ thống rãnh thu gom nước theo chiều ngang của bãi tập kết, rãnh có kết cấu bằng đất, cát kích thước  $D \times R \times C = (130 \times 0,3 \times 0,5) \text{m}$ . Qua đó, sau khi hỗn hợp nước cát được máy bơm bơm vào các hộc chứa thì nước sẽ tự động ngấm qua lớp cát sỏi, tiếp đến là lớp bao tải có kích thước  $D \times R \times C = (45 \times 0,4 \times 1) \text{m}$  và được thu vào rãnh thu gom sau đó đầu nối vào hệ thống bể lắng 02 ngăn kích thước  $(4 \times 2 \times 1,2) \text{m}$  trước khi về hồ Hoàng Hà.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Trong quá trình khai thác, Chủ dự án sẽ thực hiện theo đúng phương án được phê duyệt, khai thác theo từng lớp từ trên xuống dưới cho toàn diện tích khu vực nạo vét để hạn chế làm thay đổi đột ngột tiết diện dòng chảy, tránh gây ra các dòng chảy xoáy cục bộ làm tăng nguy cơ phát tán huyền phù.

- Do nước đầu vào sử dụng cho việc khai thác sau khi lắng đọng thành nước đầu ra có thành phần như nhau, việc tách nước ra khỏi sản phẩm chỉ thuần túy là hiện tượng cơ lý dựa vào trọng lực. Dựa vào nguyên lý này, tại khu vực tập kết Chủ dự án sẽ áp dụng biện pháp xử lý lọc cơ học tự nhiên như sau:

Sơ đồ quy trình xử lý:



**Hình 1. Quy trình xử lý, giảm thiểu tác động đến nước sông do nạo vét**

Mô tả quy trình:

Tại bãi tập kết tạm, Chủ dự án sẽ sắp xếp các bao tải chứa cát mịn xung quanh khu vực bãi tập kết tạm, các bao tải chồng lên nhau thành nhiều ngăn, đáy của các ngăn này sẽ được thiết kế có hướng nghiêng ra phía bờ sông. Phía bên ngoài lớp bao tải này sẽ bố trí hệ thống rãnh thu gom nước theo chiều ngang của bãi tập kết, rãnh có kết cấu bằng đất,

cát kích thước  $D_x R_x C = (130 \times 0,3 \times 0,5)m$ . Qua đó, sau khi hỗn hợp nước cát được máy bơm bơm vào các hộc chứa thì nước sẽ tự động ngấm qua lớp cát sỏi, tiếp đến là lớp bao tải có kích thước  $D_x R_x C = (45 \times 0,4 \times 1)m$  và được thu vào rãnh thu gom sau đó đổ nổi vào hệ thống bể lắng 02 ngăn kích thước  $(4 \times 2 \times 1,2)m$  trước khi về hồ Hoàng Hà. Phương pháp này có ưu điểm là ít tốn kém, dễ áp dụng và hiệu suất lọc rất cao.

#### **Đối với khu vực nạo vét:**

- Để giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến môi trường nước của hồ trong giai đoạn nạo vét, Chủ dự án sẽ hạn chế tối đa việc rò rỉ dầu mỡ từ các phương tiện, máy móc thi công bằng cách che đậy khi có mưa.

- Việc thi công diễn ra trong mùa khô và trước mùa mưa bão, do đó việc nạo vét được tính toán sao cho giảm thiểu lượng đất rửa trôi theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm cục bộ nước mặt khu Dự án.

- Thực hiện việc thay thế dầu nhớt, dầu máy, sửa chữa máy móc, phương tiện tại các gara sửa chữa để không làm phát sinh dầu mỡ thải trên công trường.

- Đối với sự cố rò rỉ dầu mỡ từ máy móc thiết bị, Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp như sau:

+ Trang bị đầy đủ các phương tiện sẵn sàng ứng phó với sự cố tràn dầu như: phao quây, phao thấm, đường ống thu dầu,...

+ Phương tiện thủy tham gia thi công có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định tại Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Bố trí gờ quây gom dầu cho két chứa, máy, thiết bị, khu vực bảo dưỡng... có sử dụng/phát sinh dầu trên mặt boong phương tiện.

+ Phương tiện nạo vét và vận chuyển được cơ quan Đăng kiểm đánh giá, cấp phép hoạt động, có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật và có kế hoạch ngăn ngừa, giảm thiểu nguy cơ tràn dầu và chủ động ứng phó với sự cố tràn dầu nếu xảy ra đối với phương tiện.

+ Khi xảy ra sự cố tràn dầu: Chủ dự án phải huy động mọi nguồn lực tự ứng phó và bảo vệ môi trường. Chủ động ngăn chặn nguồn dầu tràn để hạn chế dầu tràn ra môi trường.

+ Trường hợp sự cố tràn dầu vượt quá khả năng tự ứng phó của mình, Chủ dự án sẽ liên hệ với cơ quan chức năng tại địa phương để phối hợp ứng phó và khắc phục sự cố tràn dầu hiệu quả; giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường và các hệ sinh thái.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.3.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ vào Điều 111 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 thì Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật.

*1.3.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.*

\* *Quan trắc môi trường nước mặt*

- Số lượng, vị trí quan trắc: 02 điểm

+ Vị trí 01: Tại khu vực nạo vét

+ Vị trí 02: Tại hồ Hoàng Hà, cách khu vực nạo vét 200m về phía hạ lưu.

- Thông số giám sát: pH, TSS, Dầu mỡ khoáng.

- Tần suất giám sát: 01 lần/6 tháng.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08-MT:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Dự án không có công trình xử lý môi trường phải thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Do đó, không có kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Nước thải sau xử lý đạt giới hạn Cột B của QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, ( $K_q=0,9$ ,  $K_r=1,0$ )) trước khi thải ra môi trường.

## Phụ lục 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 6.15/GPMT-UBND ngày 14 tháng 03 năm 2025 của UBND huyện Gio Linh)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải: Phát sinh từ các máy móc thi công, vận chuyển trong quá trình nạo vét của Dự án.

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại Khu vực nạo vét thuộc thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Do tính chất đặc thù của dự án là nạo vét luồng vào của tàu thuyền, do đó nguồn và lưu lượng phát sinh khí thải phân tán, không cố định, phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thời gian làm việc, lượng máy móc, thiết bị được vận hành tại từng thời điểm thời điểm nên không tính toán được lưu lượng xả thải của dòng khí chứa bụi.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình nạo vét các khu vực trong Dự án, vận chuyển sản phẩm tận thu, không xả thành dòng và phát sinh dạng phân tán..

2.2.2. Chế độ xả thải: không liên tục.

2.2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 02:2019/BYT: QCKTQG về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc - Giá trị so sánh bụi vô cơ và hữu cơ không có quy định khác đối với Giá trị giới hạn tiếp xúc tối đa cho phép bụi không chứa silic tại nơi làm việc; đối với khu vực xung quanh thì áp dụng QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	
			Khu vực làm việc QCVN 02:2019/BYT (Trung bình 8 h)	Khu vực xung quanh QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 h)
1	Bụi	mg/m <sup>3</sup>	8	0,3

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình nạo vét các khu vực trong Dự án, vận chuyển sản phẩm tận thu, không xả thành dòng và phát sinh dạng phân tán.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

*\* Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ quá trình nạo vét:*

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: mũ, khẩu trang, kính mắt, quần áo bảo hộ,...

- Các máy móc thi công sẽ bố trí khoảng cách và thời gian hoạt động hợp lý nhằm giảm nồng độ các chất ô nhiễm không khí trong công trường làm việc.

- Bố trí lịch trình nạo vét hợp lý, không nạo vét vào buổi tối (từ 18h đến 6h sáng hôm sau) thời gian nghỉ ngơi của người dân.

- Bố trí các bảng cấm và chỉ dẫn tại khu vực nạo vét và tuyến đường vào khu vực để người dân biết tránh các khu vực đang nạo vét;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị.

- Chỉ sử dụng các phương tiện máy móc nạo vét đã được đăng kiểm, không sử dụng các loại máy móc cũ có khả năng gây ô nhiễm cao.

- Công khai, niêm yết kế hoạch, công tác bảo vệ môi trường của Dự án cho cộng đồng được biết và có kế hoạch bảo vệ môi trường xung quanh.

*\* Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh do quá trình tập kết và vận chuyển:*

Để giảm thiểu bụi từ quá trình này Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Tưới nước tại bãi tập kết và dọc tuyến đường trong quá trình vận chuyển với tổng chiều dài tưới nước khoảng 1km (ưu tiên đoạn qua khu dân cư) với tần suất tối thiểu 05 lần/ngày, khi cần sẽ tăng lên.

- Xe vận chuyển sản phẩm có bạt che kín và không chở quá tải để tránh rơi vãi vật liệu xuống đường. Các phương tiện vận chuyển hợp lý, kiểm soát vận tốc và khoảng cách giữa các xe. Vận tốc tối đa khi đi vào khu dân cư vận tốc tối đa là 20km/h.

- Tổ chức đội thu gom cát, sạn rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển, đảm bảo thu dọn ngay khi làm rơi vãi, tránh nguy cơ gây tai nạn, mất mỹ quan và phát sinh bụi.

- Tổ chức lực lượng ứng trực để kịp thời khắc phục các sự cố, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động trong suốt thời gian nạo vét.

- Trong quá trình vận chuyển sản phẩm sau nạo vét đi tiêu thụ nếu làm hư hỏng tuyến đường Chủ dự án sẽ kịp thời khắc phục và sửa chữa tuyến đường tránh làm ảnh hưởng đến quá trình đi lại của người dân.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục



### 1.3.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng lưu lượng xả khí thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 112 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ.

1.3.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

\* Quan trắc môi trường không khí và tiếng ồn

- Số lượng, vị trí quan trắc: 02 điểm
- + Vị trí 01: Tại khu vực nạo vét
- + Vị trí 02: Tại bãi tập kết số 1
- Thông số giám sát: Độ ồn, độ bụi, CO, NOx.
- Tần suất quan trắc: 01 lần/06 tháng (trong thời gian thi công).
- Tiêu chuẩn, Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không có các công trình xử lý khí thải thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Khí thải sau xử lý đạt giới hạn QCVN 02:2019/BYT: QCKTQG về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh trước khi thải ra môi trường.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 615 /GPMT-UBND ngày 14 tháng 03 năm 2025 của UBND huyện Gio Linh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, phương tiện vận chuyển trong khu vực dự án.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Tại khu vực thực hiện dự án

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm:**

Đảm bảo QCVN 24:2016/BYT- QCKTQG về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT- QCKTQG về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)
1	Khu vực thông thường bên ngoài dự án	70	55
2	Bên trong khuôn viên khu vực thi công	115	115

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

**1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn**

Để giảm thiểu tiếng ồn từ máy móc, thiết bị và các phương tiện xe cơ giới, Dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Lên kế hoạch bố trí thời gian nạo vét thích hợp và khoa học để tránh ảnh hưởng đến người dân trong khu vực.

- Trong quá trình sử dụng sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất.

- Công nhân làm việc ở những khu vực có độ ồn cao được trang bị thêm các thiết bị giảm ồn như nút tai, bịt tai,...

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực.

- Phương tiện vận chuyển không kéo còi, rú ga khi đi qua khu vực dân cư.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung (tại khu vực thông thường từ 6 giờ - 21 giờ).

## Phụ lục 4

### **YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 6.15 /GPMT-UBND ngày 4 tháng 03 năm 2025 của UBND huyện Gio Linh)

#### **A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

##### **1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

###### **1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

CTNH phát sinh chủ yếu chủ yếu là dầu nhớt thải, dẻ lau nhiễm dầu từ các phương tiện, máy móc,... khối lượng phát sinh khoảng 4-5 kg/tháng.

###### **1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

Đặc thù của Dự án là nạo vét bãi bồi lòng sông và tận thu sản phẩm làm vật liệu san lấp công trình, không có các hoạt động xây dựng cơ bản nên không phát sinh chất thải rắn xây dựng.

###### **1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ 10 CBCNV. Lượng rác thải sinh hoạt tính trung bình khoảng 0,5 kg/người/ngày [13] thì lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn là:  $10 \text{ người} \times 0,5 \text{ kg/người/ngày} = 5 \text{ kg/ngày}$ .

##### **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.**

###### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

Lượng CTNH phát sinh tuy không lớn nhưng có tính nguy hại do đó cần được thu gom và xử lý. Vì vậy, Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Không thay thế, sửa chữa hoặc bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, máy móc nạo vét tại khu vực Dự án trừ trường hợp bị hư hỏng đột xuất; khi thay thế, sửa chữa phải có dụng cụ thu gom dầu mỡ thải, giẻ lau... và xử lý theo đúng qui định về chất thải nguy hại.

- Đối với các loại giẻ lau dính dầu, dầu thải trong quá trình bảo dưỡng trên tàu thuyền sẽ được thu gom vào các thùng chuyên dụng riêng biệt, có nhãn ký hiệu, có nắp đậy, để trong khu vực có mái che. Mỗi phương tiện sẽ được trang bị 01 thùng chứa dầu thải và 01 thùng 20L chứa giẻ lau dính dầu và các thành phần nguy hại dạng rắn khác. Định kỳ 1 tuần/lần đưa lên tập kết tại khu vực chứa CTNH chung của Công ty bố trí tại khu vực lán trại.

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh tại khu vực lán trại sẽ được thu gom vào thùng chứa loại 60L có nắp đậy kín và có đạp chân mở nắp, có in biểu tượng CTNH được đặt tại khu vực lán trại.

- Tần suất thu gom: Định kỳ Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

Đặc thù của Dự án là nạo vét bãi bồi lòng sông và tận thu sản phẩm làm vật liệu san lấp công trình, không có các hoạt động xây dựng cơ bản nên không phát sinh chất thải rắn xây dựng.

## **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Đối với rác thải phát sinh trên tàu thuyền Chủ dự án sẽ thu gom, lưu giữ CTR sinh hoạt vào các thùng chuyên dụng bố trí trên tàu. Nghiêm cấm vứt rác xuống sông. Mỗi phương tiện trang bị ít nhất 01 thùng rác loại 30L và được cố định với thân tàu, thời gian vận chuyển CTR lên bờ là 01 ngày/lần.

- Lượng rác thải phát sinh sau khi thu gom vào thùng rác định kỳ 2 lần/tuần hợp đồng với Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Gio Linh vận chuyển đi xử lý.

## **3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:**

- Quy định và nhắc nhở công nhân bỏ rác đúng nơi quy định, tránh vứt rác bừa bãi ra môi trường xung quanh.

- Đối với các loại rác thải có khả năng tận dụng như bìa carton, chai nhựa, vỏ lon... tận dụng bán phế liệu.

- Thực hiện công tác phân loại rác tại nguồn.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Biện pháp giảm thiểu tác động đến hoạt động giao thông.**

- *Các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường bộ:*

+ Tất cả các phương tiện, thiết bị thi công đều được đăng ký và cấp giấy phép hoạt động. Các phương tiện đều được đảm bảo hoạt động tốt và được bảo quản sửa chữa định kỳ.

+ Các phương tiện thi công vận chuyển đúng thời gian qui định

+ Các xe chuyên chở được phủ bạt kín trên đường vận chuyển và thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường.

- *Các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường thủy:*

+ Đơn vị thi công chịu trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng để thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông đường thủy.

+ Tất cả các phương tiện, thiết bị thi công đều được đăng ký và cấp giấy phép hoạt động. Các phương tiện đều được đảm bảo hoạt động tốt và được bảo quản sửa chữa định kỳ.

+ Đơn vị thi công thường xuyên liên lạc với cơ quan quản đường thủy nội địa và các đơn vị khai thác luồng, nắm bắt lịch tàu vận tải ra vào cảng để có kế hoạch tránh va an toàn và sẽ thực hiện đầy đủ những quy định của Nhà nước.

+ Thực hiện theo phương án điều tiết đảm bảo an toàn đường thủy nội địa.

## **2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động.**

- Công nhân sẽ được trang bị bảo hộ lao động chuyên dụng, bố trí áo phao cho công nhân làm việc trực tiếp trên mặt nước, ưu tiên tuyển dụng công nhân biết bơi.

- Trang bị đầy đủ, đúng chủng loại các phương tiện bảo hộ lao động và thực hiện các chế độ về an toàn, vệ sinh sức khỏe đối với người lao động theo quy định.

- Trong khu vực khai thác, cắm mốc các biển báo, cảnh báo cấm người không phận sự ra vào.

- Công nhân điều khiển các máy móc, phương tiện nạo vét phải có giấy phép theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân phải sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động khi làm việc.

- CBCNV phải chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, qui trình, qui phạm về an toàn lao động và bảo dưỡng thiết bị, nhằm không để xảy ra các sự cố và rủi ro về tai nạn lao động.

- Công ty sẽ đưa ra quy chế, nội quy lao động. Đảm bảo lao động hiệu quả, an toàn và quản lý nghiêm CBCNV theo quy định.

## **3. Biện pháp phòng ngừa sự cố tràn dầu.**

- Trang bị đầy đủ các phương tiện sẵn sàng ứng phó với sự cố tràn dầu như: phao quây, phao thăm, đường ống thu dầu,...

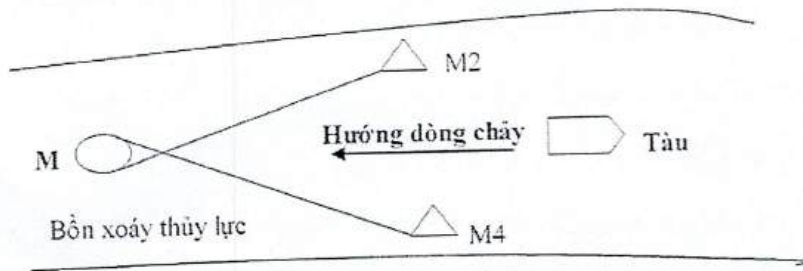
- Phương tiện nạo vét và vận chuyển được cơ quan Đăng kiểm đánh giá, cấp phép hoạt động, có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật và có kế hoạch ngăn ngừa, giảm thiểu nguy cơ tràn dầu và chủ động ứng phó với sự cố tràn dầu nếu xảy ra đối với phương tiện.

- Khi xảy ra sự cố tràn dầu: Chủ dự án phải huy động mọi nguồn lực tự ứng phó và bảo vệ môi trường. Chủ động ngăn chặn nguồn dầu tràn để hạn chế dầu tràn ra môi trường.

- Trường hợp sự cố tràn dầu vượt quá khả năng tự ứng phó của mình, Chủ dự án sẽ liên hệ với cơ quan chức năng tại địa phương để phối hợp ứng phó và khắc phục sự cố tràn dầu hiệu quả; giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường và các hệ sinh thái. Kịch bản ứng phó sự cố tràn dầu như sau:

Kỹ thuật triển khai thu gom dầu tràn như sau:

- Nguyên lý hoạt động: Đối với các hoạt động thu gom dầu tràn trên sông sử dụng phao để quay chặn dầu lại sau đó dùng Bơm gạn dầu nổi và bơm (Skimmer + pump):



**Hình 2. Sơ đồ triển khai phao quay**

- Thiết bị và vật tư:

+ Phao dầu: Loại phao sông (dạng xốp), hệ thống dây cái, dây giữ, Khớp nối nhanh ASTM, kèm theo 2 đầu kéo.

+ Thiết bị cất giữ phao dầu: Thùng đựng phao hoặc trụ quán phao.

+ Hệ thống thu hồi dầu thủy lực (circus + pump): Bồn xoáy thu gom dầu: được sử dụng để thu hồi dầu tràn cho sông có dòng chảy mạnh (lớn hơn 3 knots) và ứng dụng phương thức quét di động. Phụ kiện: tay lái quét, bánh lái đẩy và dây.

+ Hệ thống phao thám.

+ Bơm gạn dầu nổi và bơm (Skimmer + pump):

• Bơm gạn dầu nổi: Sử dụng để xử lý nhanh các sự cố tràn dầu nhỏ tại các cảng, hồ, sông đối với loại dầu có độ nhớt nhỏ và trung bình. Đặc biệt thích hợp bơm ở gần bờ hoặc tại các vùng nước nông, cho phép gạn dầu với lớp dầu dày đến 100mm. Phụ tùng: bộ đường ống, khung và phần nổi.

• Bơm: kết cấu nhỏ gọn và tính di động cao, bơm có khả năng đặc biệt để xử lý các loại vật liệu khó xử lý với các loại độ nhớt có chứa trong vật liệu bằng sợi và các vật liệu rắn khác.

+ Vật tư: Bộ đường ống, dẫn từ hệ thống thu hồi dầu thủy lực về bồn chứa tạm thời; Thiết bị chứa tạm thời (cho dầu/nước lẫn dầu), Túi nổi chứa dầu/nước lẫn dầu; Phương tiện phao, hệ thống dây cái, dây giữ và hệ thống thu hồi dầu thủy lực; Tàu/sà lan để chứa dầu/nước tạm thời; Và một số vật tư khác.

- Thu gom dầu tràn quy mô nhỏ:

+ Tràn dầu nhỏ và cục bộ.

+ Các nguồn lực ứng cứu tại chỗ có thể giải quyết ngay lập tức.

- + Không kinh tế khi triển khai phao.
- + Sử dụng bồn xoáy thủy lực thu hồi dầu lắp vào 2 bên cạnh của 2 phương tiện thủy (thuyền công tác) để quét.
- + Sử dụng các túi nổi để chứa dầu/nước lẫn dầu thu gom dầu.
- Thu gom dầu quy mô lớn: Khi xảy ra tràn dầu quy mô lớn thì phải triển khai phao.  
Các bước triển khai phao:
  - + Bước 1: Đưa phương tiện chở 2 cuộn phao ra và neo phương tiện này tại M2 (về phía bờ sông).
  - + Bước 2: Dùng phương tiện kéo bồn xoáy thủy lực thu gom dầu theo xuôi dòng (theo hướng dòng chảy) ra đến điểm thu gom M1 sau đó cố định bồn xoáy tại đó.
  - + Bước 3: Dùng phương tiện nổi một khối nặng (nặng bằng dây cái và dây miền) chạy từ phương tiện đang neo tại M2 đến điểm neo của bồn xoáy thủy lực thu gom ở trên. Sau đó dùng cơ cấu tời kéo căng dây cái. Sau đó thả phao từ từ, bắt đầu từ cuộn quấn phao chạy dọc theo dây cái. Dây cái nối với phao nhờ các dây chằng/ dây giữ.
  - + Bước 4: làm tương tự đối với điểm M4 đối diện của M2, tạo thành một bẫy hình chữ V để thu gom dầu.
  - + Bước 5: Phương tiện có khả năng chứa dầu sẽ đến neo tại điểm neo của bồn xoáy thu gom dầu, để nối đường ống từ bồn xoáy đến bơm bố trí trên thuyền, đến đây thì hệ thống sẵn sàng làm việc để thu gom dầu.
  - + Bước 6: Tùy theo mức độ dầu tràn, điều kiện thủy văn mà triển khai phao về phía đối diện tạo thành hình thoi bao kín toàn bộ khu vực dầu tràn.

